



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam) –
Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
	414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
	414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
	do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui Ông Lin Fu Chih	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Wang Ting Shu Ông Hsu Ching Yao	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 15 tháng 8 năm 2022



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
– Trụ sở chính Đồng Nai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-01-00297/1-22-1



Trương Vinh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		879.207.948.042	825.485.236.290
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	85.863.723.243	83.553.778.299
Tiền	111		65.863.723.243	83.553.778.299
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		52.440.130.353	52.440.130.353
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	52.440.130.353	52.440.130.353
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		369.037.530.515	260.082.299.103
Phải thu của khách hàng	131	9	318.767.848.388	259.933.895.859
Trả trước cho người bán	132		50.455.609.654	664.029.400
Phải thu ngắn hạn khác	136		933.150.685	603.452.056
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.119.078.212)	(1.119.078.212)
Hàng tồn kho	140	10	346.251.122.345	400.983.021.705
Hàng tồn kho	141		348.218.898.436	402.374.331.619
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.967.776.091)	(1.391.309.914)
Tài sản ngắn hạn khác	150		25.615.441.586	28.426.006.830
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.350.382.378	1.851.444.485
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(a)	18.732.939.337	23.636.131.155
Thuế phải thu Nhà nước	153		4.357.309.871	2.732.821.135
Tài sản ngắn hạn khác	155		174.810.000	205.610.055
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		185.152.274.707	189.457.178.253
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh	213	11	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		59.491.686.144	60.821.928.428
Tài sản cố định hữu hình	221	12	59.455.597.344	60.742.531.628
Nguyên giá	222		349.368.325.544	345.143.615.848
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.912.728.200)	(284.401.084.220)
Tài sản cố định vô hình	227	13	36.088.800	79.396.800
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(963.990.000)	(920.682.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		300.000.000	3.288.768.931
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	300.000.000	3.288.768.931
Tài sản dài hạn khác	260		2.558.941.126	2.544.833.457
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.095.912.980	2.168.275.238
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		463.028.146	376.558.219
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.064.360.222.749	1.014.942.414.543

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

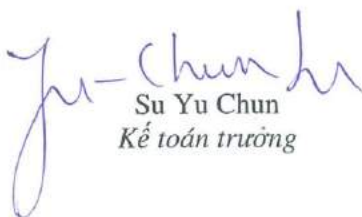
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		598.770.782.022	554.881.576.471
Nợ ngắn hạn	310		598.770.782.022	554.881.576.471
Phải trả người bán	311	16	19.137.205.007	51.961.675.360
Người mua trả tiền trước	312		6.807.501.812	22.139.110.617
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(b)	1.171.126.115	601.557.600
Phải trả người lao động	314		4.083.200.178	5.688.448.400
Chi phí phải trả	315		986.091.985	1.122.903.029
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	27.935.221.287	222.327.380
Vay ngắn hạn	320	19	538.650.435.638	473.145.554.085
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		465.589.440.727	460.060.838.072
Vốn chủ sở hữu	410	20	465.589.440.727	460.060.838.072
Vốn cổ phần	411	21	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	21	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	23	99.368.153.238	89.321.287.041
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.594.676.852	64.112.940.394
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		35.408.676.745	22.442.501.441
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		24.186.000.107	41.670.438.953
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.064.360.222.749	1.014.942.414.543

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

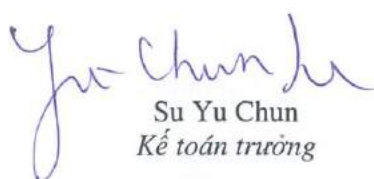
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	904.075.551.045	886.996.178.796
Giá vốn hàng bán	11	26	847.973.201.874	811.005.671.644
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		56.102.349.171	75.990.507.152
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.428.609.738	2.102.625.324
Chi phí tài chính	22	28	13.157.947.163	6.495.494.226
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.198.521.027	4.821.923.683
Chi phí bán hàng	25	29	9.455.623.585	10.179.181.437
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	13.716.910.270	13.512.697.142
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		29.200.477.891	47.905.759.671
Thu nhập khác	31		1.275.229	239.342
Chi phí khác	32		803.998	6.541.140
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		471.231	(6.301.798)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.200.949.122	47.899.457.873
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	5.101.418.942	8.068.010.563
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(86.469.927)	(52.950.082)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		24.186.000.107	39.884.397.392

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	29.200.949.122	47.899.457.873
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	5.554.951.980	5.835.236.165
Các khoản dự phòng	03	576.466.177	353.000.543
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.735.559.878)	20.496.352
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(1.413.584.795)	(1.953.622.408)
Chi phí lãi vay	06	9.198.521.027	4.821.923.683
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	41.381.743.633	56.976.492.208
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(92.703.898.618)	(126.150.143.535)
Biến động hàng tồn kho	10	54.155.433.183	(158.174.270.874)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(53.180.814.688)	100.769.601.923
Biến động chi phí trả trước	12	(426.575.635)	274.682.270
		(50.774.112.125)	(126.303.638.008)
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.252.974.023)	(4.367.997.989)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.383.587.332)	(5.054.547.195)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.707.967.253)	(1.823.358.486)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(63.118.640.733)	(137.549.541.678)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.391.183.985)	(2.084.365.850)
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(80.000.000.000)	(92.176.982.475)
Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	80.000.000.000	101.764.939.282
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.083.886.166	1.936.663.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(307.297.819)	9.440.254.464

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	906.204.469.541	638.294.830.071
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(840.699.587.988)	(449.043.486.820)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	65.504.881.553	189.251.343.251
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.078.943.001	61.142.056.037
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	83.553.778.299	67.926.399.212
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	231.001.943	(67.656.411)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	85.863.723.243	129.000.798.838

Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập:


 Su Yu Chun
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Trụ sở chính có 244 nhân viên (1/1/2022: 241 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này do Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Phí hội viên câu lạc bộ golf*

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(ii) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu là phát sinh khi Trụ sở chính phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Trụ sở chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính không phụ thuộc vào các biến động thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Trụ sở chính

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Trụ sở chính kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	253.104.000	360.823.000
Tiền gửi ngân hàng	65.610.619.243	83.192.955.299
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	-
	85.863.723.243	83.553.778.299

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm là 3,8% trong kỳ.

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	Lãi suất năm	30/6/2022	1/1/2022
		VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại ngân hàng bằng VND	5,6%	52.440.130.353	52.440.130.353
		52.440.130.353	52.440.130.353

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo thanh toán cho việc cung cấp điện từ nhà cung cấp với số tiền là 1.200.000.000 VND (1/1/2022: 1.200.000.000 VND) và đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Trụ sở chính với số tiền là 1.240.130.353 VND (1/1/2022: 1.240.130.353 VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu của khách hàng

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Chi nhánh</i>		
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương	5.242.778.662	-
<i>Bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	3.615.247.169	2.564.458.063
<i>Các bên thứ ba</i>		
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	81.813.214.030	61.132.917.633
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	78.353.269.892	50.521.134.883
Các khách hàng khác	149.743.338.635	145.715.385.280
	318.767.848.388	259.933.895.859

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	45.467.122.666	-	44.229.429.248	-
Nguyên vật liệu	33.805.426.415	-	39.789.424.485	-
Sản phẩm dở dang	2.166.911.497	(99.080.820)	39.532.830.842	(405.918.492)
Thành phẩm	266.779.437.858	(1.868.695.271)	278.822.647.044	(985.391.422)
	348.218.898.436	(1.967.776.091)	402.374.331.619	(1.391.309.914)

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Số dư đầu kỳ	1.391.309.914	350.912.848
Tăng dự phòng trong kỳ	576.466.177	353.000.543
Số dư cuối kỳ	<u>1.967.776.091</u>	<u>703.913.391</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có 62.463 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2022: 66.680 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

11. Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này không hưởng lãi và được phản ánh theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	79.272.207.522	249.857.977.978	9.370.129.293	3.958.617.058	2.684.683.997	345.143.615.848
Tăng trong kỳ	550.000.000	340.905.765	-	45.035.000	-	935.940.765
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	3.025.472.567	-	263.296.364	-	3.288.768.931
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	79.822.207.522	253.224.356.310	9.370.129.293	4.266.948.422	2.684.683.997	349.368.325.544
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	64.219.343.611	205.866.630.289	8.153.899.329	3.647.381.394	2.513.829.597	284.401.084.220
Khấu hao trong kỳ	759.900.354	4.169.838.353	487.000.200	75.072.273	19.832.800	5.511.643.980
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	64.979.243.965	210.036.468.642	8.640.899.529	3.722.453.667	2.533.662.397	289.912.728.200
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	15.052.863.911	43.991.347.689	1.216.229.964	311.235.664	170.854.400	60.742.531.628
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	14.842.963.557	43.187.887.668	729.229.764	544.494.755	151.021.600	59.455.597.344

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 230.814 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 223.412 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1/ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	920.682.000
Khấu hao trong kỳ	43.308.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	963.990.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	79.396.800
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	36.088.800

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 567 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 567 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.288.768.931
Tăng trong kỳ	300.000.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.288.768.931)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	300.000.000

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc và thiết bị	300.000.000	3.288.768.931

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ gôn VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	1.197.515.131	970.760.107	2.168.275.238
Tăng trong kỳ	-	220.130.000	220.130.000
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(264.067.978)	(292.492.258)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	1.169.090.851	926.822.129	2.095.912.980

16. Phải trả người bán

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty mẹ cấp cao nhất				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	1.421.562.834	1.421.562.834	243.836.008	243.836.008
Bên liên quan khác				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	8.212.493	8.212.493	15.610.021	15.610.021
Các bên thứ ba				
Mitsubishi Corporation RtM International Pte., Ltd.	-	-	44.229.429.248	44.229.429.248
Công ty TNHH Nhựa Vitahco	7.890.481.500	7.890.481.500	930.468.000	930.468.000
Tong Hsieh Chemical Industrial Co., Ltd	2.821.677.120	2.821.677.120	2.538.069.120	2.538.069.120
Fu Pao Chemical Co., Ltd.	2.262.169.915	2.262.169.915	1.675.740.792	1.675.740.792
Các nhà cung cấp khác	4.733.101.145	4.733.101.145	2.328.522.171	2.328.522.171
	19.137.205.007	19.137.205.007	51.961.675.360	51.961.675.360

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2022 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	23.636.131.155	74.871.220.464	(28.500.000.000)	(51.274.412.282)	18.732.939.337

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	Phân loại lại VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	51.274.412.282	-	(51.274.412.282)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	40.252.966.323	(40.252.966.323)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.101.418.942	(1.383.587.332)	(2.732.821.135)	-	985.010.475
Thuế thu nhập cá nhân	601.557.600	868.548.291	(1.283.990.251)	-	-	186.115.640
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.088.634.875	(6.445.944.746)	-	4.357.309.871	-
Các loại thuế khác	-	1.147.519.409	(1.147.519.409)	-	-	-
	601.557.600	100.733.500.122	(50.514.008.061)	(54.007.233.417)	4.357.309.871	1.171.126.115



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Cổ tức phải trả	27.612.523.800	-
Phải trả khác	322.697.487	222.327.380
	<hr/>	<hr/>
	27.935.221.287	222.327.380
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2022		Biến động trong kỳ			30/6/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	473.145.554.085	473.145.554.085	906.204.469.541	(840.699.587.988)	-	538.650.435.638	538.650.435.638

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	7,0 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	141.963.830.454	152.979.067.123
Mega International Commercial Bank Co., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	7,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,25%	141.755.610.983	124.661.250.955
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN, Chi nhánh Đồng Nai (b)	4,0 triệu USD	LIBOR 6 tháng + 1,35%	83.609.827.708	16.525.601.500
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	8,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 2,75%	66.305.747.448	63.973.973.778
Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3,5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 0,94%	51.145.407.267	20.889.011.814
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	53.870.011.778	753.271.383
The Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd., Chi nhánh Offshore Banking (a)	5,0 triệu USD	LIBOR 6 tháng + 1,2%	-	68.760.000.000
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	-	24.603.377.532
			538.650.435.638	473.145.554.085

- Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- Các khoản vay này không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	306.899.450.637	(272.840.000)	78.595.648.888	69.332.823.536	454.555.083.061
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.725.638.153	(10.725.638.153)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.823.358.486)	(1.823.358.486)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 22)	-	-	-	(53.691.018.500)	(53.691.018.500)
Cổ tức – 36,04% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 22)	-	-	-	19.349.693.044	19.349.693.044
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	39.884.397.392	39.884.397.392
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	306.899.450.637	(272.840.000)	89.321.287.041	62.326.898.833	458.274.796.511
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	306.899.450.637	(272.840.000)	89.321.287.041	64.112.940.394	460.060.838.072
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.046.866.197	(10.046.866.197)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.707.967.253)	(1.707.967.253)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 22)	-	-	-	(27.612.523.800)	(27.612.523.800)
Cổ tức – 38,62% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 22)	-	-	-	10.663.093.601	10.663.093.601
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	24.186.000.107	24.186.000.107
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	306.899.450.637	(272.840.000)	99.368.153.238	59.594.676.852	465.589.440.727

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Trụ sở chính như sau:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

22. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2022 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 27.613 triệu VND (900 VND một cổ phiếu) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 53.691 triệu VND). Khoản cổ tức này sẽ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 61,38% và 38,62% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: tỷ lệ lần lượt là 63,96% và 36,04%).

23. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.624.670.800	3.624.670.800
Trong vòng hai đến năm năm	14.498.683.200	14.498.683.200
Sau năm năm	47.310.166.400	49.122.501.800
	65.433.520.400	67.245.855.800

(b) Ngoại tệ

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.297.667	30.021.038.287	2.486.573	56.296.674.770

25. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Từ 1/1/2022	Từ 1/1/2021
	đến 30/6/2022	đến 30/6/2021
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	895.596.119.245	877.964.268.996
▪ Bán hàng hóa	25.479.800	29.733.800
▪ Bán phế liệu	8.453.952.000	9.002.176.000
	904.075.551.045	886.996.178.796

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	847.379.612.622	810.625.690.768
▪ Hàng hoá đã bán	17.123.075	26.980.333
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	576.466.177	353.000.543
	847.973.201.874	811.005.671.644

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.413.584.795	1.953.622.408
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.015.024.943	149.002.916
	9.428.609.738	2.102.625.324

28. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí lãi vay	9.198.521.027	4.821.923.683
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.959.426.136	1.673.570.543
	13.157.947.163	6.495.494.226

29. Chi phí bán hàng

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	4.153.742.785	4.604.112.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	937.347.521	931.798.226
Chi phí khác	4.364.533.279	4.643.270.836
	9.455.623.585	10.179.181.437

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên	6.854.212.190	6.454.268.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.214.639.754	4.365.427.099
Chi phí khác	2.648.058.326	2.693.001.319
	13.716.910.270	13.512.697.142

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	746.205.538.093	814.922.508.100
Chi phí nhân công và nhân viên	24.407.927.972	25.042.437.040
Chi phí khấu hao	5.554.951.980	5.835.236.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.343.146.552	25.285.781.311
Chi phí khác	19.622.665.250	22.256.306.599
	741.134.130.847	873.342.269.115

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	5.101.418.942	8.068.010.563
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(86.469.927)	(52.950.082)
	5.014.949.015	7.915.060.481

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	29.200.949.122	47.899.457.873
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	4.380.142.368	7.184.918.681
Chi phí không được khấu trừ thuế	330.917.591	480.620.365
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	303.889.056	349.521.435
	5.014.949.015	8.015.060.481

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế.

Ưu đãi thuế suất trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng đã được Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ/năm, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	711.854.480	1.317.011.280	-	-
Phí bản quyền và phí UL (*)	1.421.562.834	1.347.096.761	1.421.562.834	243.836.008
Phí dịch vụ	9.369.675.000	9.363.600.000	-	-
Công ty mẹ				
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã phân phối (**)	22.099.654.800	42.971.551.000	-	-
Chi nhánh				
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán thành phẩm	5.242.778.662	12.551.342.238	5.242.778.662	-
Cổ tức phải thu	10.663.093.601	19.349.693.044	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Bán thành phẩm	4.855.499.826	526.867.141	3.615.247.169	2.564.458.063
Mua nguyên vật liệu	7.465.903	24.450.800	8.212.493	15.610.021
Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên				
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.707.967.253	1.823.358.486	-	-
Thù lao cho thành viên				
Ban Tổng Giám đốc	547.465.800	498.598.350	-	-
Cổ tức đã phân phối cho thành viên Hội đồng Quản trị				
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch	331.910.618	177.956.500	161.100.664	161.100.664

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd., công ty mẹ cấp cao nhất, Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.
- (**) Đây là toàn bộ cổ tức đã phân phối cho Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd., công ty mẹ, trong đó 38,62% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021: 36,04%) được trả bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 22).

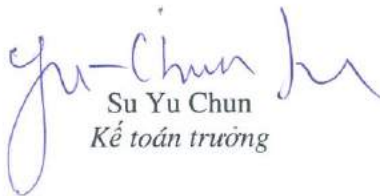
34. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản cố định đã mua nhưng chưa thanh toán	169.656.780	-



Ngày 15 tháng 8 năm 2022

Người lập:


Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Wang Ling Shu
Tổng Giám đốc

